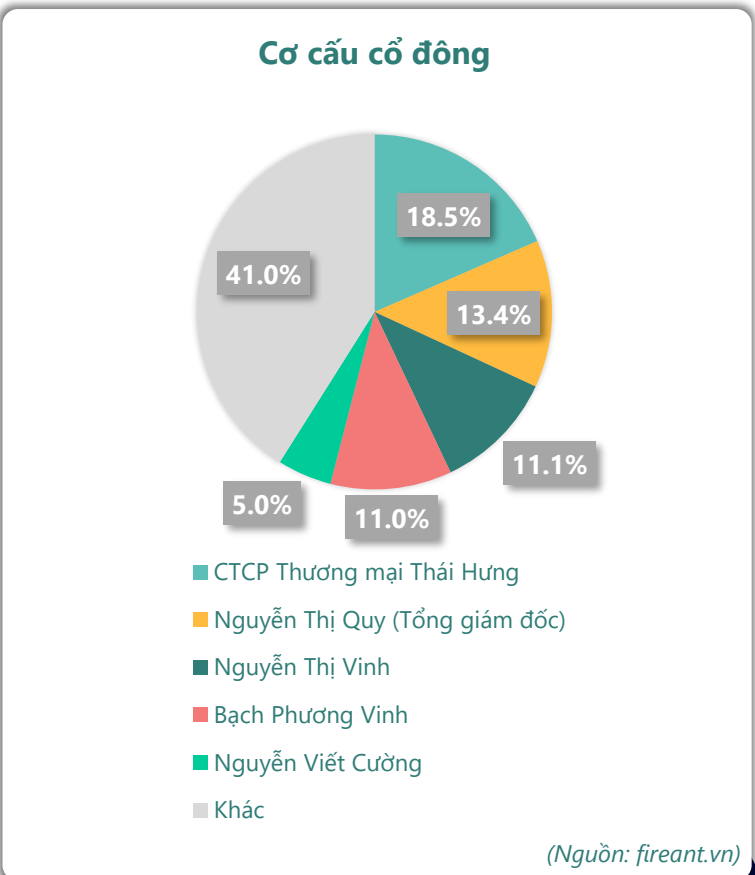
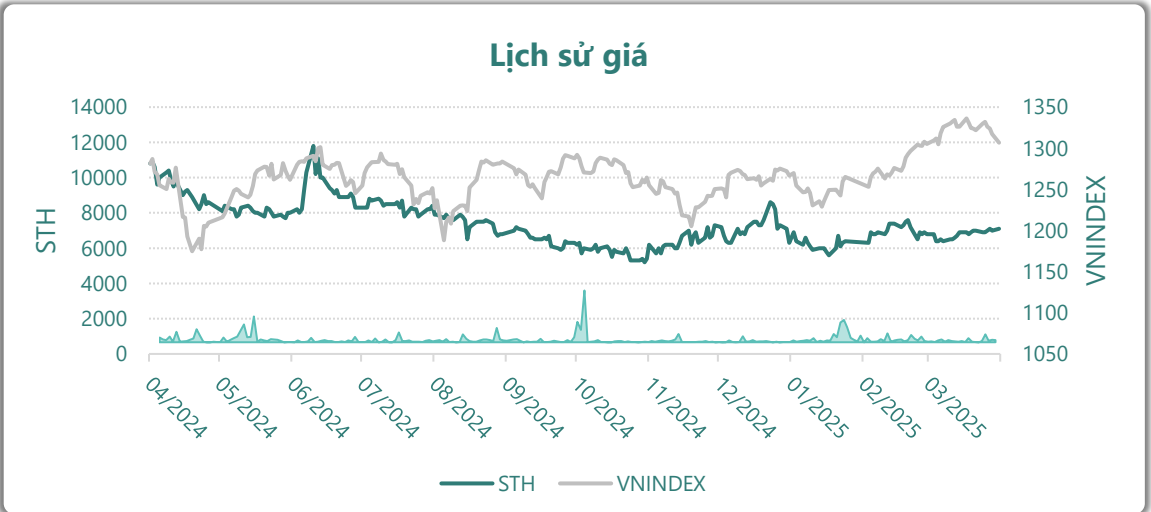
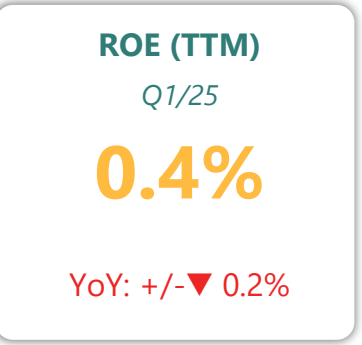
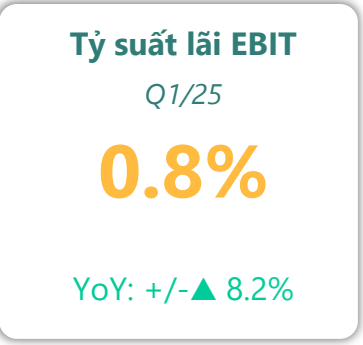
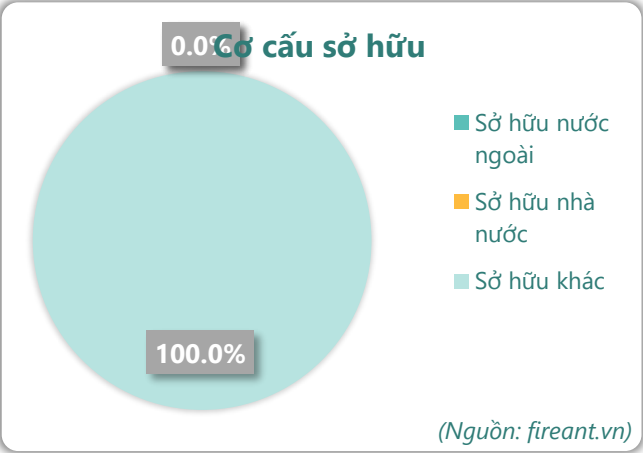


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

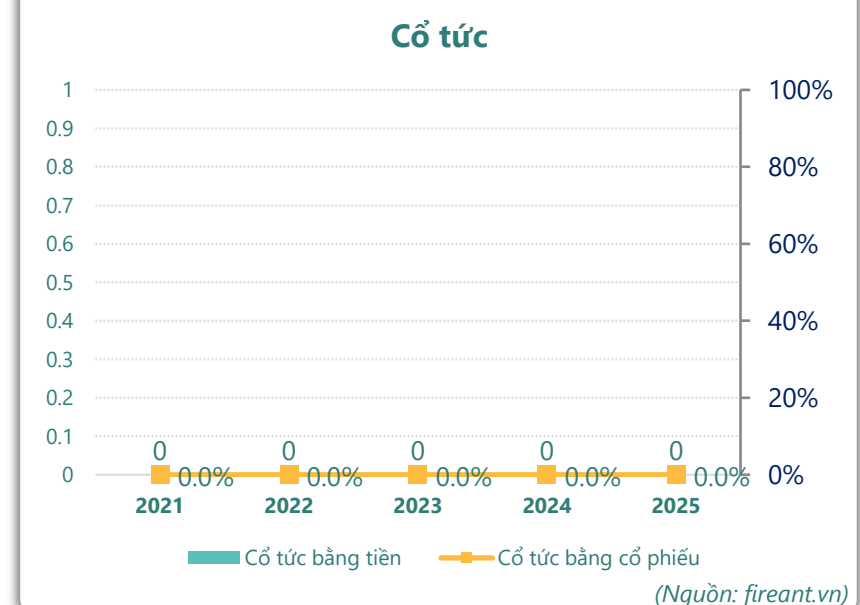
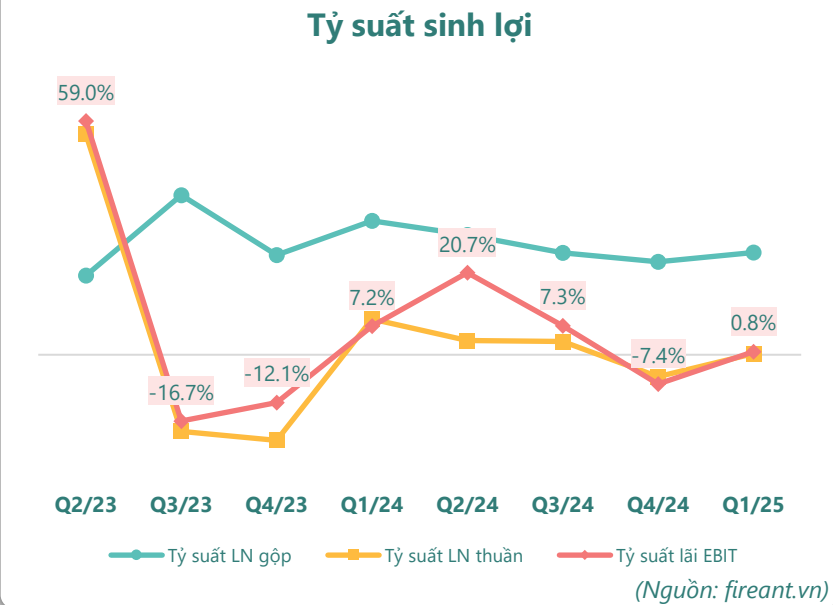
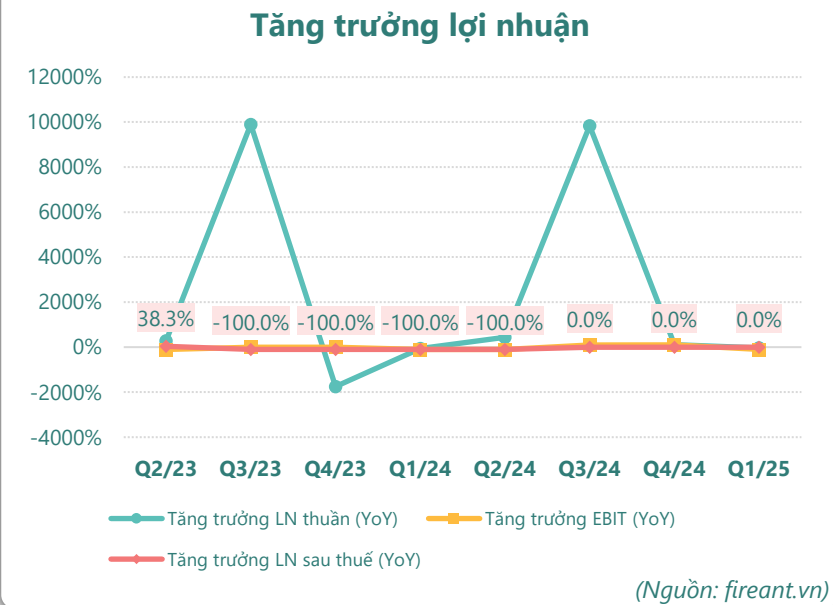
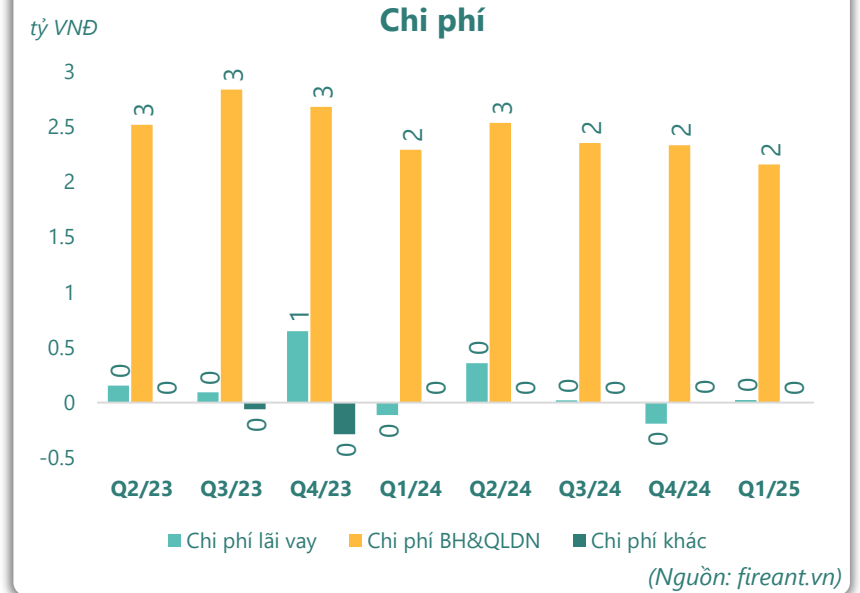
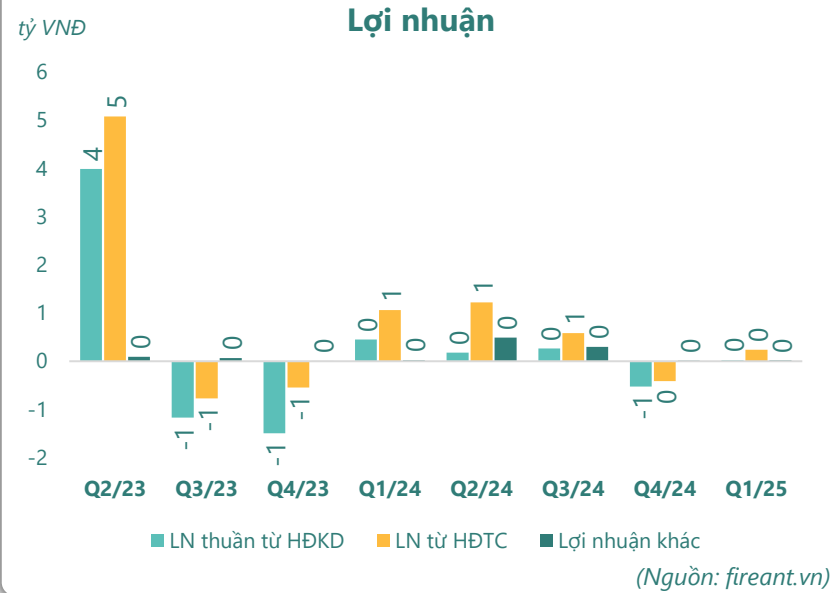
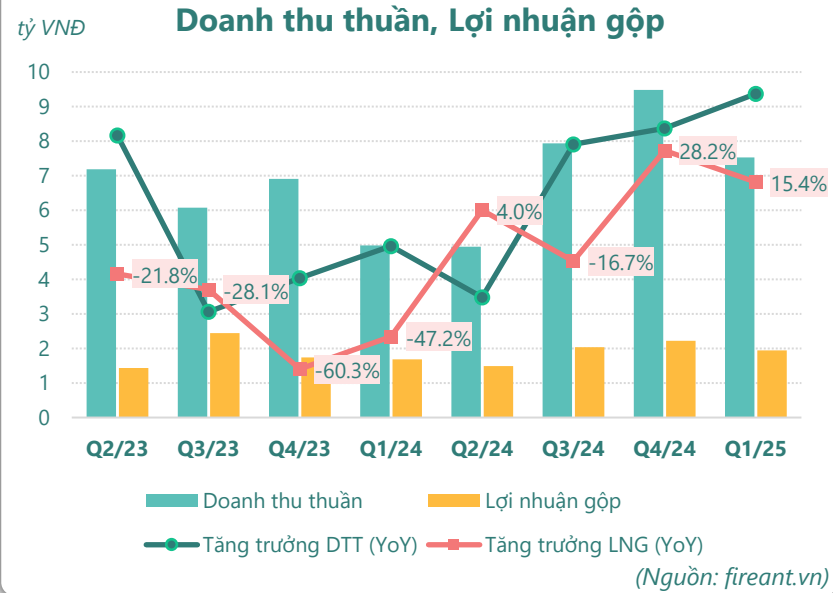
CTCP Phát hành sách Thái Nguyên

Ngày 31/03/2025	7,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.9%	0%	14.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 11,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	138
Số lượng CPLH (CP)	19,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,640
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.56
EPS	39
P/E	184.4



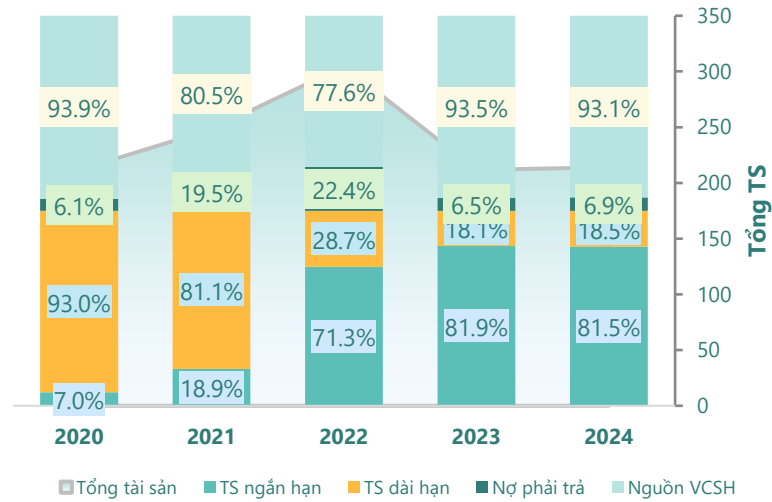
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

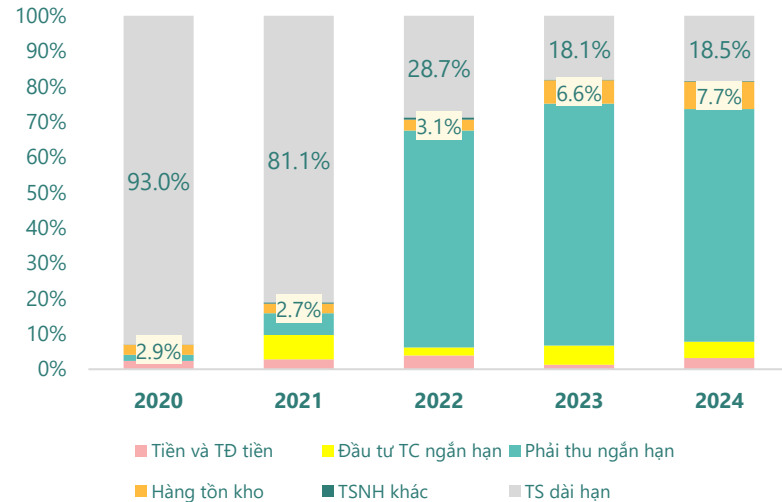
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

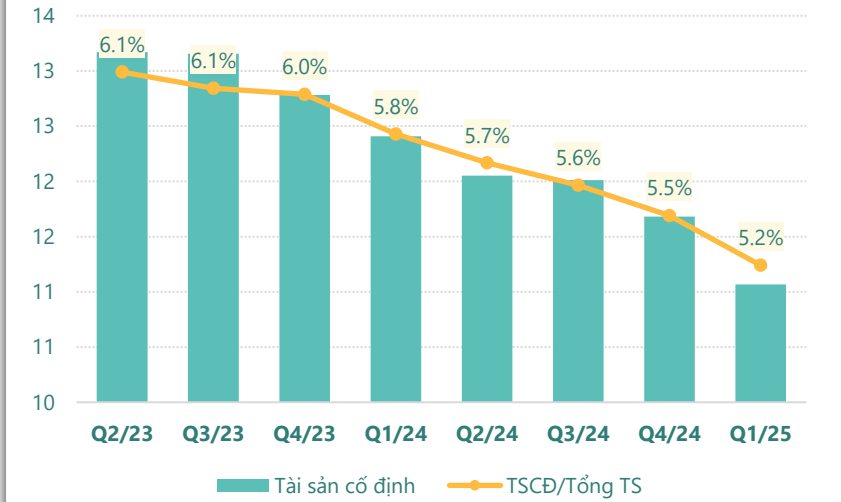
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

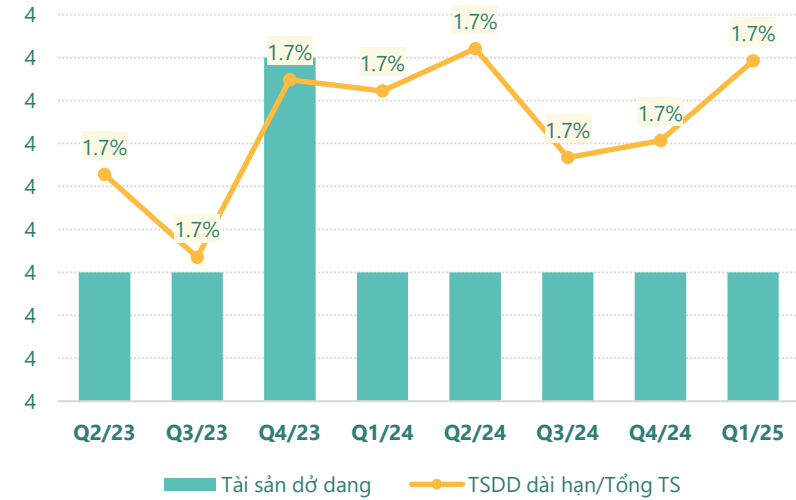
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

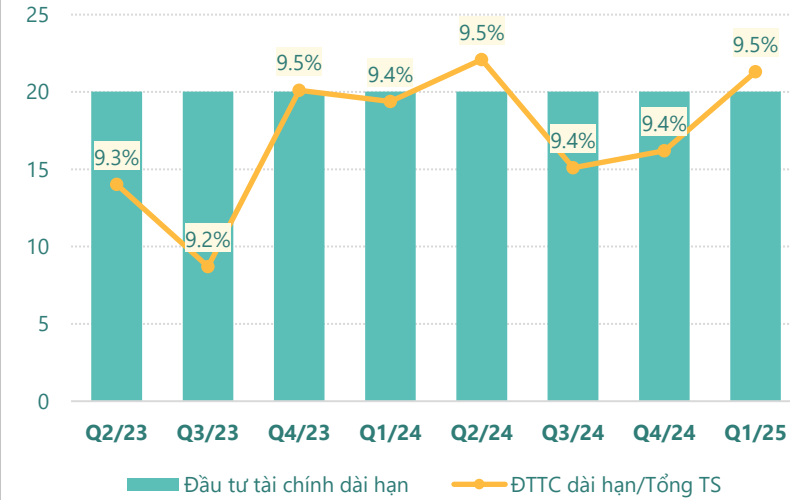
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

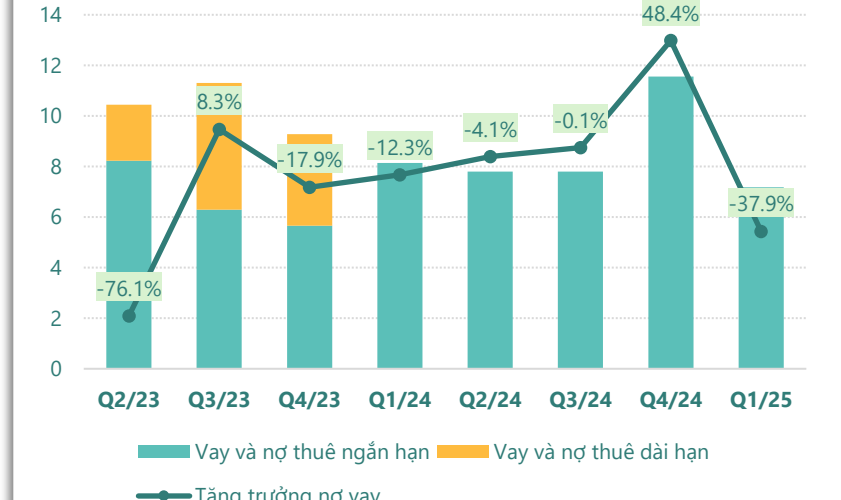
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

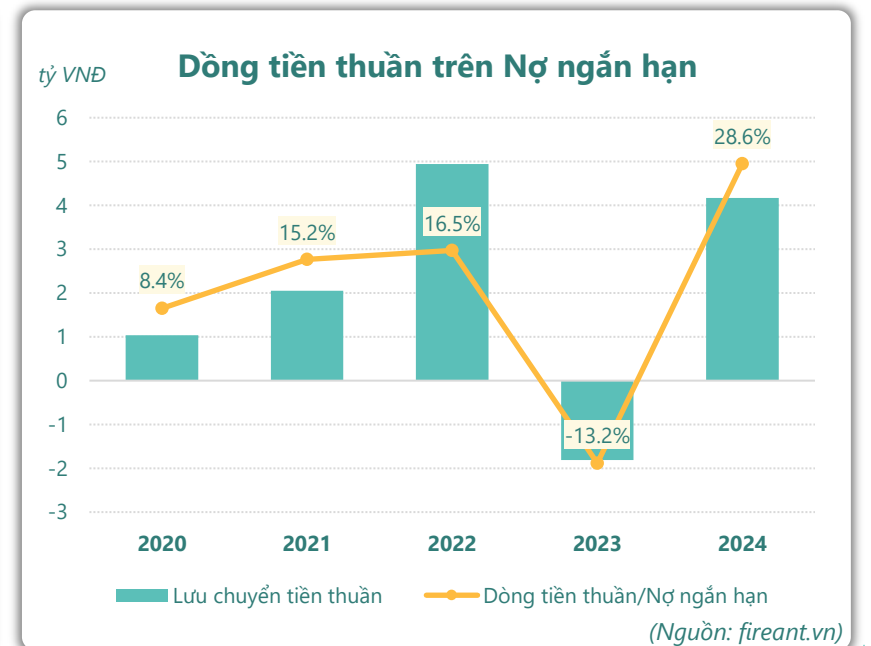
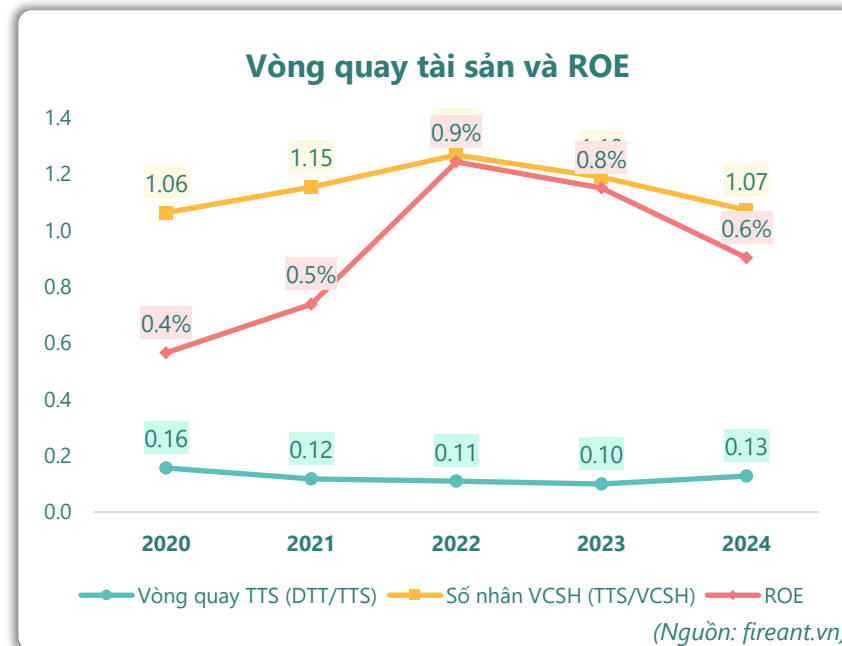
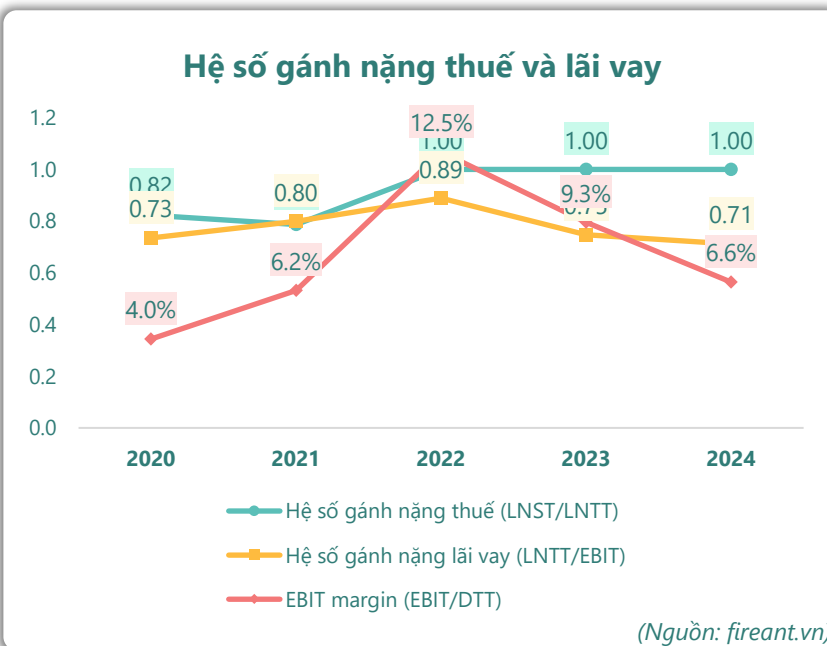
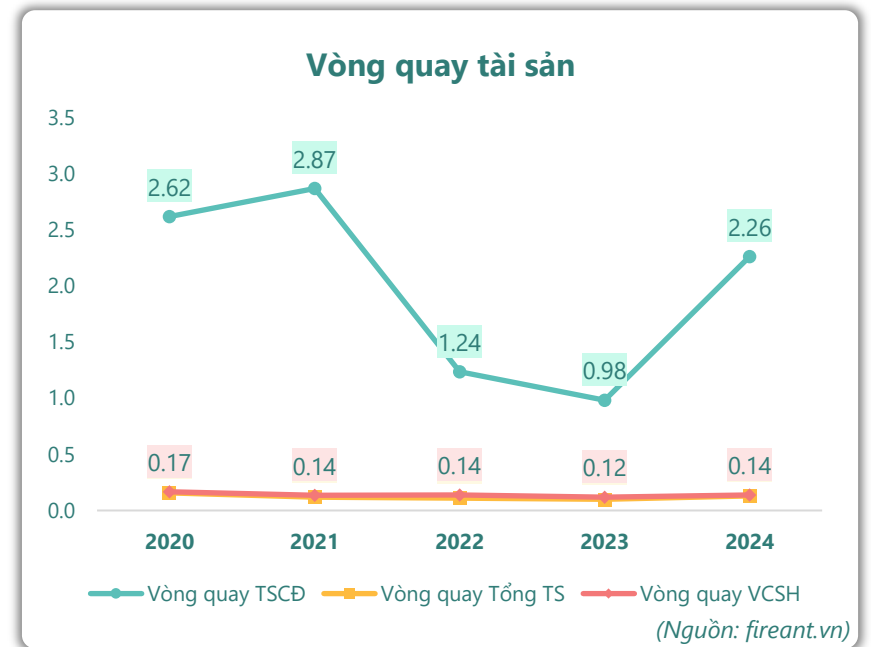
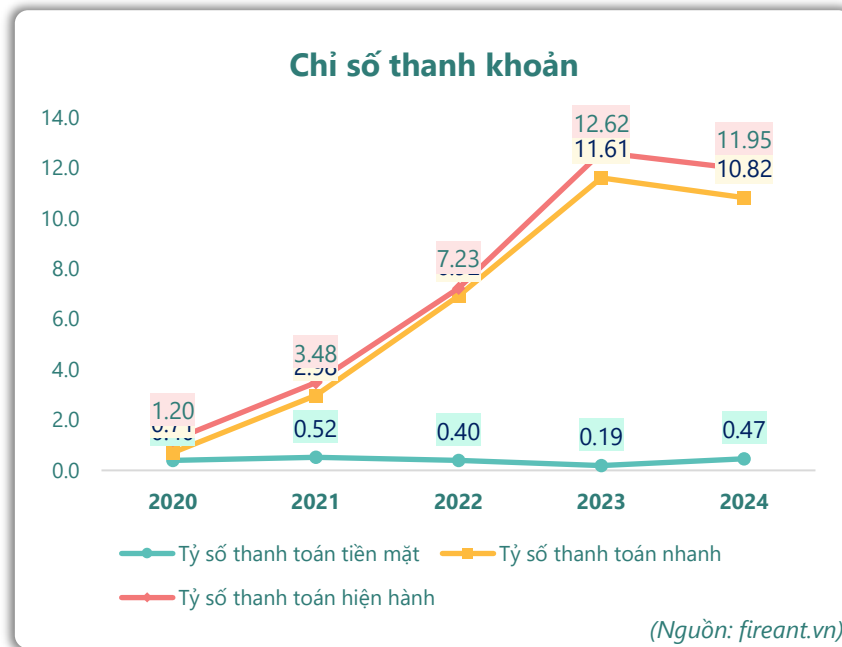
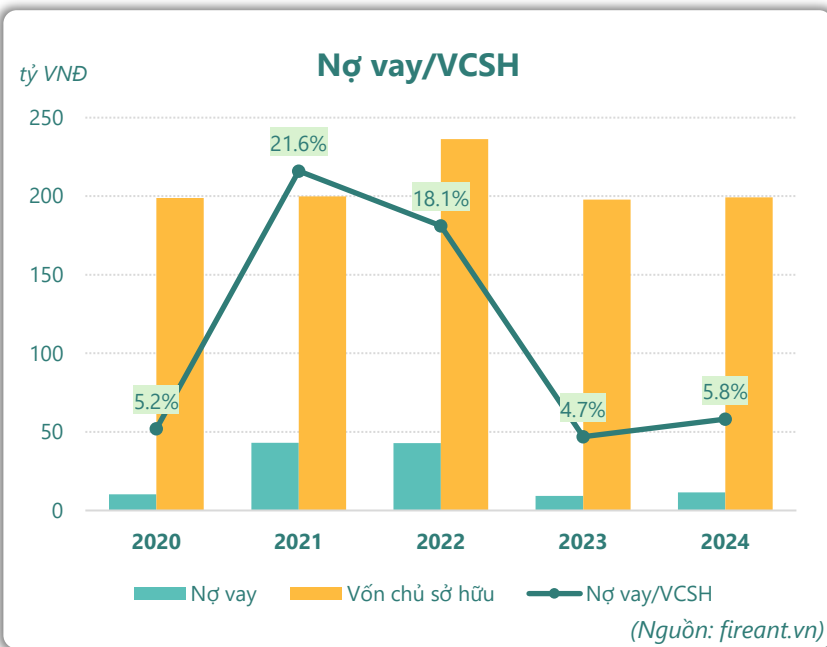
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	7.53	4.98	51.2%	27.3	25.7	6.2%
Giá vốn hàng bán	5.59	3.30	69.4%	19.9	15.9	25.2%
Lợi nhuận gộp	1.94	1.68	15.5%	7.40	9.82	-24.6%
Doanh thu HĐTC	0.26	0.95	-72.3%	2.53	5.21	-51.5%
Chi phí TC	0.02	-0.11	121%	-0.37	1.11	-133%
Chi phí lãi vay	0.02	-0.11	121%	0.52	0.60	-14.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.10	1.02	7.8%	4.66	5.85	-20.3%
Chi phí QLDN	1.06	1.27	-16.5%	4.89	5.95	-17.9%
LN thuần từ HĐKD	0.02	0.45	-95.8%	0.75	2.12	-64.7%
Lợi nhuận khác	0.02	0.02	-18.3%	0.53	-0.33	261%
LN trước thuế	0.04	0.47	-92.5%	1.28	1.78	-28.3%
Lợi nhuận sau thuế	0.04	0.47	-92.5%	1.28	1.78	-28.3%
LNST của CĐ cty mẹ	0.04	0.47	-92.5%	1.28	1.78	-28.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	3.74	-1.16	0	-0.17	3.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.92	0.30	0	0.14	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.05	-0.44	0	3.77	-4.38
Tiền đầu kỳ	0	2.62	4.39	0	2.83	6.79
Lưu chuyển tiền thuần	0	1.77	-1.31	0	3.73	-1.26
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	4.39	3.08	0	6.56	5.53

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	211	214	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	172	174	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	5.53	6.79	-18.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.66	9.83	-1.7%
Phải thu ngắn hạn	142	141	0.8%
Hàng tồn kho	14.4	16.5	-12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.50	0.36	37.4%
Tài sản dài hạn	39.2	39.5	-0.8%
Phải thu dài hạn	3.65	3.65	0.0%
Tài sản cố định	11.1	11.4	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.63	3.63	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.84	0.80	3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12.1	14.7	-17.8%
Nợ ngắn hạn	12.0	14.6	-17.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.18	11.6	-37.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.10	1.44	45.9%
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	199	199	0.0%
Vốn chủ sở hữu	199	199	0.0%
Vốn điều lệ	195	195	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

